TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Sáu

Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Q T K H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A ấp C, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông L H P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A ấp C, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

(Bà H vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt; ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Q T K H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và ông P đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z.ngày 03/12/2012.

Sau khi cưới, bà và ông P sống tại xã X, huyện Y, tỉnh Z. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 10/2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P không lo làm ăn, chơi đánh bài gây nợ nần nên cả hai thường xuyên cải vã nhau. Để vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc lo cho con, nên bà đã tạo nhiều cơ hội để ông P sửa đổi cũng như hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà và ông P đã không

còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên L G B, sinh ngày 22/5/2014. Con đang sống với bà sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông L H P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian chung sống, điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, đến tháng 10/2022 phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc do ông thường xuyên đánh bài gây nợ nần, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, nhưng ông đã nhận ra sai lầm của mình và quyết tâm sửa chữa. Từ khi bà H bỏ nhà ra đi khoảng 06 tháng nay ông đã tập trung làm ăn không đánh bài như trước đây và vẫn thường xuyên tới lui thăm nom con chung, động viên bà Hòa quay về chung sống với ông, nhưng bà H kiên quyết không hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay ông tha thiết yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, để vợ chồng ông có cơ hội đoàn tựu.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên L G B, sinh ngày 22/5/2014. Con đang sống với bà H, nếu giải quyết cho ly hôn ông đồng ý để bà H nuôi cháu B ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Q T K H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L H P, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Q T K H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L H P, xác định bà H là nguyên đơn, ông P là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Q T K H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H:

Bà H ông P xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z.nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà H và ông P đều thống nhất trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, ông P lại hay cơ bạc thiếu nợ nhiều người. Bà H đã cho ông P nhiều cơ hội sửa chữa để hàn gắn tình cảm cùng xây dựng gia đình nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng ông P không thay đổi, do đó vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Ông P muốn hàn gắn lại tình cảm với vợ, nhưng không đưa ra được phương án để bà H quay về chung sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông P bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên L G B, sinh ngày 22/5/2014. Con đang sống với bà H, bà H ông P đều thống nhất giao cháu B cho bà H nuôi dưỡng ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông P bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà H, ông P xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q T K H đối với ông L H P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Q T K H được ly hôn với ông L H P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu L G B, sinh ngày 22/5/2014 cho bà Q T K H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L H P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Q T K H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009564 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, Long An. Bà Q T K H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền